

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

VỀ VIỆC THOÁI VỐN CỔ PHẦN NHÀ NƯỚC CỦA UBND TỈNH VĨNH PHÚC ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC THÔNG QUA ĐẤU GIÁ

(Theo Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước)

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:



HANOI STOCK EXCHANGE
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: 2 Phan Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3941 2626 Fax: (84.4) 3934 7818

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC

Địa chỉ: Số 220, Đường Trần Phú, P.Phúc Thắng, Tx.Phúc Yên, Vĩnh Phú

Điện thoại : 0211 3868 661 Fax: 0211 3868 663



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Trụ sở chính: Số 444 Hoàng Hoa Thám, P.Thụy Khuê, Q.Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại : 04 3573 0200 Fax: (04) 3577 1966

Từ ngày tháng năm 2015

Người phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ngô Trường Giang – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Số điện thoại: 0211 3868 661

Vĩnh Phúc, tháng năm 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHIẾU

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC

- Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 07/10/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc thực hiện thoái vốn theo Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg
- Điều kiện thoái vốn: Theo Khoản 2 Điều 8 Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg
- Hình thức thoái vốn: Theo Khoản 1 Điều 8 Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg

Thông tin về đợt thoái vốn

Tên cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến bán	4.998.070 cổ phần
Tổng giá trị theo mệnh giá	49.980.700.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương

Trụ sở chính: Tầng 2&3, số 444 Hoàng Hoa Thám, Q.Tây Hồ, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 04.3573 0200

Fax: 04.3577 1966

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt (NVT)

Trụ sở chính: Số 187, đường Nguyễn Lương Bằng, P.Quang Trung, Q.Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3761 3399

Fax: 04.3761 5599

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	4
I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	4
1. Tổ chức thực hiện thoái vốn	4
2. Công ty có cổ phiếu được thoái vốn	4
3. Tổ chức tư vấn	4
II. CÁC KHÁI NIỆM	5
III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THOÁI VỐN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 51/2014/QĐ-TTg.....	5
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	5
2. Mối quan hệ với Công ty có cổ phiếu được thoái vốn.....	6
3. Tỷ lệ sở hữu	6
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CTCP NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC	6
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	6
2. Tổ chức bộ máy quản lý.....	7
3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	12
4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	16
5. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	17
6. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.....	18
7. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu thoái vốn.....	19
V. PHƯƠNG ÁN THOÁI VỐN.....	19
VI. MỤC ĐÍCH THOÁI VỐN.....	20
VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT THOÁI VỐN.....	20
1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá.....	20
2. Đại lý đấu giá.....	20
VIII. BÁO CÁO CỦA CTCP NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC VỀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY.....	20

1.	Các văn bản thành lập doanh nghiệp	20
2.	Các thành tích đạt được	21
3.	Ngành nghề kinh doanh	21
4.	Các dự án công trình tiêu biểu Công ty quản lý và thi công	22
5.	Tình hình sử dụng lao động	22
6.	Vốn điều lệ và cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/10/2015	23
7.	Tình hình tài sản và tình hình sử dụng đất.....	23
8.	Nguồn nguyên vật liệu và trình độ công nghệ đang áp dụng	26
9.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ	27
10.	Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh	27
11.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	28
12.	Các hợp đồng tiêu biểu đang thực hiện	28
13.	Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	29
14.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	29
15.	Một số rủi ro dự kiến	31
15.1	Rủi ro kinh tế	31
15.2.	Rủi ro về luật pháp.....	33
15.3.	Rủi ro đặc thù	33
15.4.	Rủi ro của đợt chào bán	34
15.5.	Rủi ro khác.....	35
IX.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THỰC HIỆN THOÁI VỐN, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	35

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức thực hiện thoái vốn

- Tên tổ chức: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc
- Trụ sở chính: Số 38 đường Nguyễn Trãi, phường Đống Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
- Điện thoại: 0211. 3861169 – Fax: 0211. 3861743
- Đại diện: Ông Nguyễn Văn Trì
- Chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Công ty có cổ phiếu được thoái vốn

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc
- Tên tiếng Anh: Vinh Phuc Water Supply Joint Stock Company
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 220, Đường Trần Phú, Phường Phúc Thắng, Thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
- Điện thoại: 0211 3868 661 Fax: 0211 3868 663
- Đại diện: Ông Ngô Trường Giang
- Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

3. Tổ chức tư vấn

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương

- Địa chỉ: Tầng 02 và 03 Tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 043.5730200 – Fax: 043.5771966
- Đại diện: Ông: Nguyễn Đỗ Lăng
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần của UBND tỉnh Vĩnh Phúc tại CTCP Nước sạch Vĩnh Phúc do CTCP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương tham gia lập và công bố. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do CTCP Nước sạch Vĩnh Phúc cung cấp.

II. CÁC KHÁI NIỆM

Tổ chức thực hiện thoái vốn:	Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc
Tổ chức thực hiện đấu giá:	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
Tổ chức tư vấn bán đấu giá:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương
Công ty có cổ phiếu được thoái vốn:	Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc
CTCP:	Công ty Cổ phần
UBND:	Ủy ban nhân dân

III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THOÁI VỐN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 51/2014/QĐ-TTg

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Năm 1950, tỉnh Vĩnh Phúc được thành lập dựa trên sự kết hợp của hai tỉnh Vĩnh Yên và Phúc Yên.
- Ngày 26/01/1968, Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra Nghị quyết số 504-NQ/TVQH tiến hành hợp nhất hai tỉnh Phú Thọ và Vĩnh Phúc thành tỉnh Vĩnh Phú.

- Ngày 26/11/1996, Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX đã thông qua Nghị quyết về việc tái lập tỉnh Vĩnh Phúc và tỉnh Phú Thọ. Tỉnh Vĩnh Phúc chính thức được tái lập và đi vào hoạt động từ ngày 01/01/1997.

2. Mối quan hệ với Công ty có cổ phiếu được thoái vốn

Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc trước là chủ sở hữu của công ty nhà nước: Công ty cấp thoát nước và môi trường số II Vĩnh Phúc. Năm 2011, Công ty cấp thoát nước và môi trường số II Vĩnh Phúc thực hiện cổ phần hóa và chuyển thành Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc với số cổ phần UBND tỉnh Vĩnh Phúc nắm giữ là 10.589.200 cổ phần, chiếm 96,6% vốn điều lệ.

3. Tỷ lệ sở hữu

UBND tỉnh Vĩnh Phúc hiện nắm giữ 10.589.200 cổ phần, chiếm 96,6% vốn điều lệ của CTCP Nước sạch Vĩnh Phúc.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CTCP NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc tiền thân là Xí nghiệp cấp nước Mê Linh thuộc Công ty cấp nước Vĩnh Phúc. Khi tách tỉnh Vĩnh Phú thành hai tỉnh là tỉnh Vĩnh Phúc và tỉnh Phú Thọ, Xí nghiệp cấp nước Mê Linh đổi thành Công ty cấp nước Mê Linh theo Quyết định số 2469/QĐ-UB ngày 25/11/1996 của UBND tỉnh Vĩnh Phú. Theo Quyết định số 2163/QĐ-UB ngày 07/09/1999 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty cấp nước Mê Linh và đổi tên Công ty cấp nước Mê Linh thành Công ty Cấp thoát nước và Môi trường số 2 Vĩnh Phúc. Từ ngày 10/03/2011 Công ty Cấp thoát nước và Môi trường số 2 Vĩnh Phúc được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc được thành lập theo Quyết định số 631/QĐ-UB ngày 10/03/2011 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Công ty chính thức chuyển đổi từ Công ty Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500144719 ngày 24/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500144719 thay đổi lần thứ 5 ngày 21/01/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Phúc cấp.

2. Tổ chức bộ máy quản lý

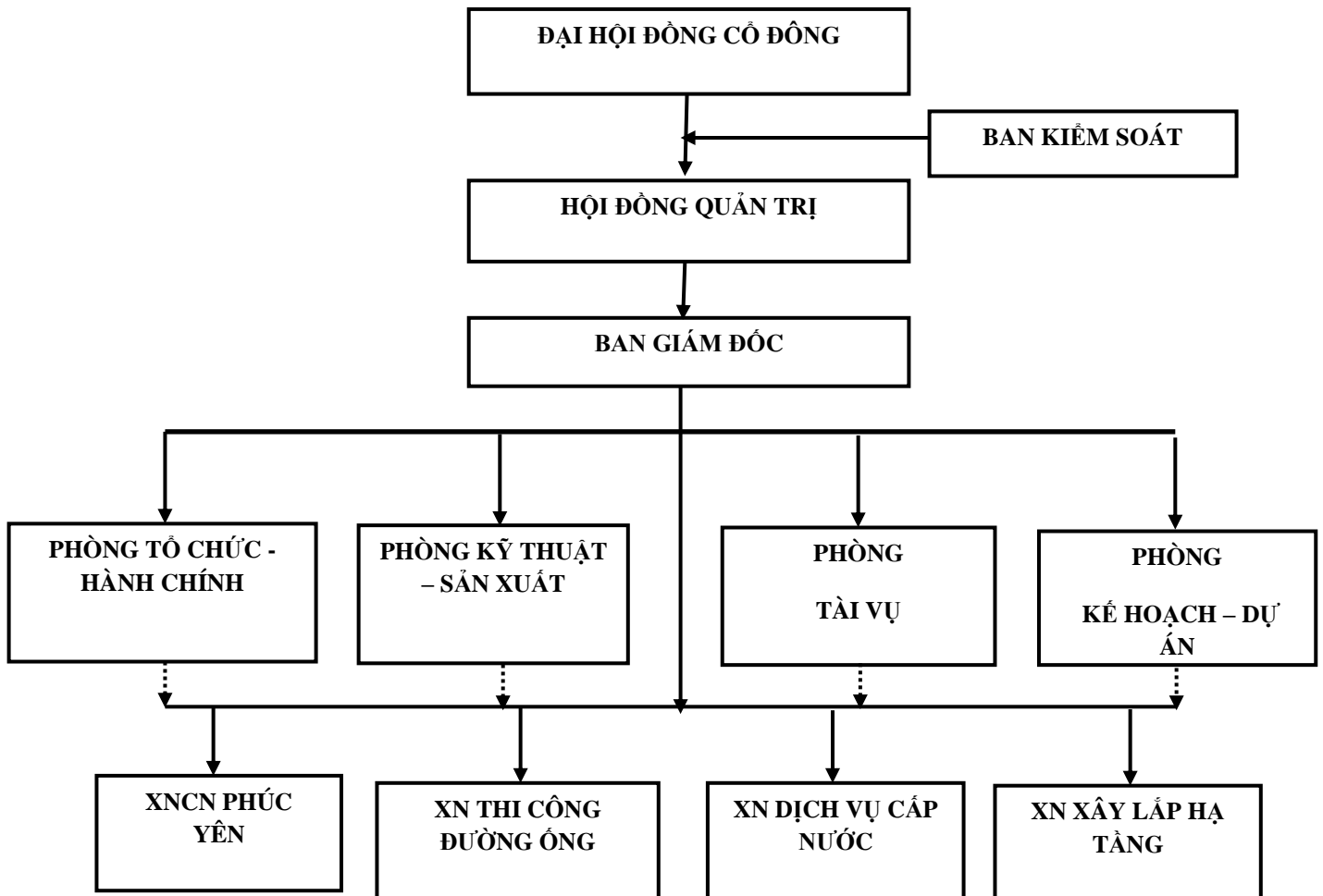
2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty

Công ty được tổ chức theo mô hình hoạt động của Công ty Cổ phần

Bao gồm:

- 01 Chủ tịch kiêm Giám đốc : Ông Ngô Trường Giang
- 01 Phó Giám đốc : Ông Đinh Thế Kỳ
- 04 Phòng, Ban nghiệp vụ : Phòng Tổ chức - Hành chính
Phòng Kỹ Thuật – Sản xuất
Phòng Tài vụ
Phòng Kế hoạch – Dự án
- 04 Xí nghiệp Xí nghiệp cấp nước Phúc Yên
Xí nghiệp thi công đường ống
Xí nghiệp dịch vụ cấp nước
Xí nghiệp xây lắp hạ tầng

Hình 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc



2.2. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

- **Đại hội đồng cổ đông**

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông ủy quyền

- **Hội đồng quản trị**

Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch Hội đồng quản trị và 04 (bốn) thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế

- **Ban giám đốc**

Bao gồm 02 người trong đó có 01 Giám đốc và 01 Phó giám đốc. Giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Phó giám đốc giúp việc cho Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Giám đốc ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

- **Ban kiểm soát**

Là cơ quan thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện giám sát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty và Cổ đông. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, trong đó có một người có chuyên môn về tài chính kế toán. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế

- **Phòng Tổ chức - Hành chính**

- Quản lý về mặt tổ chức và quản lý lao động trong toàn Công ty
- Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động
- Theo dõi các hoạt động đoàn thể trong Công ty
- Theo dõi công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật lao động trong Công ty
- Thực hiện quản lý hành chính trong toàn Công ty

- Quản lý lực lượng bảo vệ khu vực văn phòng Công ty
- Giúp việc Giám đốc công ty và quản lý về công tác tổ chức nhân sự, điều động bố trí đội ngũ cán bộ công nhân viên, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.
- Thường trực hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật, an toàn bảo hộ lao động, hội đồng nâng lương.
- Lập kế hoạch lao động, kế hoạch tiền lương, định mức lao động, BHXH, BHYT, BHTN, kế hoạch bảo hộ lao động - trang bị BHLĐ cho cán bộ công nhân viên.
- Thanh toán lương, thưởng, BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ quyền lợi cho người lao động, hướng dẫn nghiệp vụ cho các đơn vị.
- Chịu trách nhiệm quản lý con dấu.
- Vào sổ công văn gửi đến, công văn Công ty gửi đi được Giám đốc giao; thường trực điện thoại cơ quan, vệ sinh tạp vụ cơ quan, quản lý và đề xuất việc mua sắm trang thiết bị làm việc cho khối văn phòng công ty, tiếp khách đến đăng ký làm việc với công ty

- **Phòng Tài vụ**

- Theo dõi quản lý công tác tài chính và các hoạt động kinh tế của Công ty
- Theo dõi việc mua sắm tài sản, trang thiết bị của Công ty
- Thực hiện quản lý về mặt giá trị tài sản, vật tư, tiền vốn của Công ty
- Thực hiện Luật Kế toán và các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị, chịu sự chỉ đạo của cấp trên về chuyên môn nghiệp vụ.
- Xây dựng kế hoạch thu chi, cân đối nguồn tài chính của Công ty; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng các quỹ và tính hợp lý, hợp pháp của các chứng từ.
- Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán; tham mưu trong việc phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.
- Phân tích số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc; tham mưu, đề xuất các giải pháp quản lý tài chính của Công ty.
- Cung cấp và lưu trữ thông tin, số liệu kế toán, thuế; lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế hàng tháng, quý, năm theo quy định.

- Thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng của Công ty và thực hiện thu, chi tiền mặt theo đúng quy định.
- Thống kê, theo dõi tài sản chung của Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Công ty giao
- **Kế hoạch – Dự án**
 - Lập và quản lý kế hoạch tháng, quý, năm của đơn vị
 - Lập báo cáo thống kê hoạt động sản xuất kinh doanh
 - Quản lý và triển khai Nghị quyết của HĐQT, BGD Công ty
 - Lập và theo dõi hồ sơ các dự án đầu tư của Công ty
 - Lập Hồ sơ mời thầu, dự thầu các gói thầu
 - Lập và theo dõi các Hợp đồng xây dựng cơ bản của Công ty
 - Triển khai các công việc của dự án do Công ty làm chủ đầu tư.
 - Thanh quyết toán các dự án đã hoàn thành.
- **Phòng kỹ thuật – sản xuất**
 - Quản lý kỹ thuật và sản xuất trong toàn công ty
 - Điều hành kỹ thuật sản xuất cung cấp nước sạch
 - Quản lý kỹ thuật mạng cấp nước. kỹ thuật vận hành máy móc thiết bị
 - Quản lý, nghiệm thu chất lượng sản phẩm, xét nghiệm chất lượng nước
 - Tư vấn thiết kế, lập dự toán, giám sát thi công công trình XD CB
- **Xí nghiệp cấp nước Phúc Yên**
 - Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
 - Quản lý vận hành: 06 Giếng nước thô Nam Viêm - Đại Phùng và Tuyến ống nước thô;
 - 02 Giếng nước thô Tiên Châu và tuyến ống nước thô;
 - 02 Giếng Viện 8, Kêu - Đạo Đức và tuyến ống nước thô.

- Nhà máy nước Phúc Yên 20.000m³/ ngày, Nhà máy nước Đồi Cấm, Trạm bơm tăng áp Xuân Hòa, Đại Lải
- Các trạm biến áp và đường dây tải điện phục vụ các giếng và Nhà máy, trạm bơm nêu trên

- **Xí nghiệp Dịch vụ cấp nước**

- Quản lý Hợp đồng mua bán nước
- Quản lý mạng cấp nước (Từ sau các đồng hồ đo nước sạch ra mạng)
- Quản lý khách hàng, đọc số đồng hồ nước, đơn đốc thu nộp tiền nước
- Thanh tra, xử lý vi phạm trong hoạt động cấp nước
- Kiểm định đồng hồ đo nước
- Sửa chữa sự cố đường ống cấp nước từ Φ 90 trở xuống

- **Xí nghiệp Xây lắp Hạ tầng**

- Thi công các công trình xây dựng của Công ty và do Công ty nhận thầu xây dựng

- **Xí nghiệp thi công đường ống**

- Thi công, lắp đặt các công trình đường ống của Công ty và sửa chữa các sự cố đường ống của Công ty từ Φ 100 trở lên
- Thi công các công trình đường ống do Công ty nhận thầu, xây dựng

3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm	6 tháng đầu năm 2015
Tổng giá trị tài sản	208.091.706.836	213.635.026.941	2,66%	213.299.371.025

Doanh thu thuần	49.537.967.713	48.362.108.694	(2,4%)	22.507.208.978
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.914.487.634	3.181.462.683	(35,3%)	1.330.417.640
Lợi nhuận khác	214.522.036	(999.398.837)		(87.353.753)
Lợi nhuận trước thuế	5.129.009.670	2.182.063.846	(57,5%)	1.243.063.887
Lợi nhuận sau thuế	3.842.831.578	1.671.706.800	(56,5%)	963.401.294
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	49,8%	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán có ý kiến ngoại trừ năm 2014 và BCTC tự lập 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Hiện tại đoàn kiểm toán chưa nhận được thư xác nhận số dư tài khoản phải thu của Công ty Mai Động, số tiền: 301.500.000 đồng, chi tiết trên thuyết minh số 06 “Các khoản phải thu ngắn hạn khác”. Với các tài liệu hiện có và các thủ tục kiểm tra thay thế, chúng tôi chưa đủ cơ sở đưa ra ý kiến về số dư tài khoản phải thu khác của Công ty Mai Động cũng như các ảnh hưởng đến các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014.
- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Xây dựng Hạ tầng Hà Vĩnh với tổng số tiền: 5.500.000.000 đồng với tỷ lệ lợi ích là 55,61% đang được Công ty phản ánh là khoản đầu tư dài hạn khác (Chi tiết tại thuyết minh số 14 “Đầu tư dài hạn khác”).
- Giá trị còn lại của tài sản điều chỉnh giảm trong năm 2014 do tài sản bị hỏng hóc số tiền: 1.328.139.038 đồng, đơn vị chưa hoạch toán toàn bộ vào tài khoản “Chi phí khác” trong kỳ mà theo dõi một phần trên tài khoản “Chi phí trả trước ngắn hạn” – Số tiền: 45.992.944 đồng, “Chi phí trả trước dài hạn” – Số tiền: 155.468.618 đồng, và hạch toán vào “Chi phí sản xuất chung” trong kỳ - Số tiền: 144.418.230 đồng.
- Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 201 của Công ty Cổ phần Cấp nước – Xây dựng hạ tầng Hà Vĩnh (Công ty con) để làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn (nếu có). Do đó, Kiểm toán viên chưa có cơ sở để đưa ra ý

kiến về hoàn mục “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn” trên Báo cáo tài chính của Công ty.

- Công ty chưa tiến hành bù trừ Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ, dẫn đến khoản mục “Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ” (Mã số 152) trên Bảng cân đối kế toán tăng lên 96.612.980 đồng và chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” (Mã số 314) tăng lên tương ứng.
- Trong năm tài chính 2014, Công ty tăng tài sản một số công trình hoàn thành theo quyết toán từ các năm trước với tổng nguyên giá trị tài sản tăng là 14.576.513.826 đồng. Tuy nhiên đơn vị chưa cung cấp biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng để trích khấu hao tương ứng từ thời gian Nghiệm thu hoàn thành mà chỉ tiến hành trích khấu hao năm 2014.
- Công trình “Lắp đặt hệ thống biến tần tiết kiệm năng lượng” đã có quyết toán ngày 23/1/2009, số tiền quyết toán: 743.711.000 đồng. Tuy nhiên đơn vị chưa ghi nhận tăng tài sản trong kỳ theo giá trị quyết toán và đơn vị chưa cung cấp biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng để ước tính số khấu hao trích thiếu tương ứng.
- Dự án “Cấp nước Khu công nghiệp Bình Xuyên” và Dự án “Cải tạo mở rộng Hệ thống cấp nước Phúc Yên” có một số hạng mục đã có quyết toán, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành. Giá trị đơn vị đã quyết toán với nhà thầu của 2 dự án trên là: 2.514.452.000 đồng. Tuy nhiên đơn vị chỉ hoạch toán công nợ với nhà thầu theo số đã thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp, số tiền; 1.450.000.000 đồng. Số còn lại: 1.064.452.000 đồng đơn vị không hoạch toán tăng công nợ phải trả nhà thầu do dự án đã bị UBND tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định hủy bỏ hoặc không tiếp tục cấp vốn thực hiện. Do vậy nếu hoạch toán theo đúng số liệu Quyết toán với nhà thầu thì trên Bảng cân đối kế toán khoản mục “Xây dựng cơ bản dở dang” sẽ tăng lên: 1.064.452.000 đồng và chỉ tiêu “Phải trả người bán” sẽ tăng lên tương ứng.
- Hạng mục “Khảo sát, xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng công trình” của dự án “Nhà máy cấp nước “Bá Hiến” đã có Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành ngày 17/06/2009, số tiền nghiệm thu là: 314.028.000 đồng, nhưng đơn vị vẫn đang theo dõi số tiền thanh toán cho nhà cung cấp trên số dư nợ tiền đã thanh toán cho nhà thầu trên Tài khoản 331 – Trả trước Công ty Cổ phần đầu tư Công nghệ Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Lạc Việt, số tiền: 240.000.000 đồng. Theo Quyết định 2001A/QĐ-CT ngày 30/06/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt kinh phí là: 253.660.000 đồng nhưng Quyết định này đã bị hủy bỏ bởi Quyết định số 2234/QĐ-CT ngày

22/07/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc. Đến thời điểm 31/12/2014, đơn vị không có thỏa thuận nào khác giữa 2 bên về số tiền đơn vị phải thanh toán cho nhà thầu.

▪ Tại thời điểm kiểm toán, đơn vị chưa cung cấp được một số bộ hồ sơ của một số hạng mục công trình tồn đọng từ các năm trước, cụ thể:

Hạng mục	Số dư tiền trả trước cho người bán tại 31/12/2014
Thiết kế lập hồ sơ mời thầu hệ thống cấp nước Mê Linh	150.000.000
Dịch chuyển đường dây 22kv	50.000.000
Thi công Trạm biến áp 180 KVA 10-22/0,4 KV giếng G3 và đường dây 0,4KV giếng G3-G4	300.000.000
Cộng	500.000.000

▪ Công ty đang phản ánh một số công nợ tồn đọng tiền ứng trước của các công trình khác tại thuyết minh số 05 – “Trả trước cho người bán” với tổng số tiền: 5.902.767.000 đồng, đây là các công trình phát sinh từ trước năm 2008 chưa có quyết toán, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành hoặc chưa có khối lượng hoàn thành.

▪ Công trình “Quản lý và xử lý chất thải rắn”, số dư trên Tài khoản 241 – XDCB dở dang tại 31/12/2014 là: 4.313.715.667 đồng và dư nợ tiền đã thanh toán cho nhà thầu trên Tài khoản 311 – Phải trả người bán: 1.118.240.500 đồng. Theo quyết định số 1113/QĐ-CT ngày 21/05/2012 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc thì dự án trên đã bị thu hồi đất quy hoạch để bàn giao cho Công ty Cổ phần môi trường Công nghiệp Việt Nam thành lập mở khai thác đá xây dựng. Tổng giá trị quyết toán theo phê duyệt là: 5.06.836.500 đồng, trong đó tiền đền bù giải phóng mặt bằng được phê duyệt theo Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 11/03/2009 là 3.903.735.000 đồng. Ngày 03/07/2014 Công ty Cổ phần môi trường Công nghiệp Việt Nam đã chuyển trả cho đơn vị số tiền đền bù giải phóng mặt bằng này với số tiền: 3.903.735.000 đồng. Đơn vị theo dõi khoản tiền đền bù giải phóng mặt bằng này trên Tài khoản 338 – Phải trả khác mà chưa có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm cơ sở bù trừ với khoản mục “Xây dựng cơ bản dở dang”.

▪ Công trình “Nhà máy cấp nước Bá Hiến” tại 31/12/2014, số tiền dư trên Tài khoản 241 – Xây dựng cơ bản dở dang là: 817.642.246 đồng, chủ yếu là khoản tiền bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án. Theo kế toán thì hiện tại công trình này đã được chuyển

giao sang công ty Cổ phần cấp nước Xây dựng Hạ tầng Hà Vĩnh theo quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 19/05/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2014, đơn vị chưa có biên bản xác nhận công nợ với Công Ty Cổ phần cấp nước Xây dựng Hạ tầng Hà Vĩnh (Chi tiết tại thuyết minh số 34 “Nghịệp vụ và số dư các bên liên quan”).

- Quy trình hạch toán trích trước chi phí trong kỳ của đơn vị chưa phù hợp, thiếu căn cứ trích trước. Đơn vị thực hiện trích chi phí phải trả cho các công trình khi có quyết toán sao cho tỷ lệ lãi gộp/doanh thu là 5,5% việc phải phản ánh như vậy làm cho số dư trên Tài khoản 335 – Chi phí phải trả của đơn vị không phản ánh được chi phí thực phát sinh của các đối tượng phải trả, nghĩa vụ phải trả trong kỳ và số chi tiết phải trả của từng đối tượng.

4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 2: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
<i>Hệ số thanh toán hiện hành</i> <i>Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn</i>	Lần	7,00	3,63	3,66
<i>Hệ số thanh toán nhanh</i> <i>(Tài sản ngắn hạn – HTK)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	5,69	2,90	2,91
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				
<i>Tỷ số nợ trên tài sản</i> <i>Tổng nợ/Tổng tài sản</i>	Lần	0,38	0,39	0,39
<i>Tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu</i> <i>Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu</i>	Lần	0,62	0,65	0,65

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,23	0,23	0,11
Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán / HTK bình quân	Vòng	2,55	2,49	1,12
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	7,75	3,45	4,28
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	3,50	1,52	0,88
Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	1,84	0,78	0,45
Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	9,92	6,57	5,92

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc)

5. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 3: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015

Chỉ tiêu	Năm 2015	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2014
Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương đương	58.034.530.432	20%
Lợi nhuận sau thuế	1.838.877.480	10%

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,2	0%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,67	0%
Cổ tức	1%	32%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc)

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trên

Với kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2014, Công ty đã đề ra kế hoạch kinh doanh trong năm 2015 với những nhiệm vụ cụ thể. Kế hoạch doanh thu năm 2015 đạt 58.034.530.432 đồng, tăng trưởng 20% so với năm 2014. Đặc biệt, lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2015 đạt 1.838.877.480 đồng, tăng trưởng 10% so với năm 2014. Để đạt được kế hoạch kinh doanh nêu trên, Công ty đã đề ra nhiều giải pháp thực hiện như sau:

- Căn cứ vào Giá trị sản lượng các Hợp đồng đã ký và đang triển khai dang dở trong năm 2014.
- Tình hình kinh tế xã hội năm 2015 được dự báo tiếp tục ổn định nên nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ tăng trưởng so với năm 2014.

Tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp thi công, áp dụng công nghệ thi công mới nhằm đạt hiệu quả năng suất lao động cao mà vẫn tiết kiệm chi phí, đảm bảo đúng tiến độ thi công

6. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

6.1. Thông tin về trái phiếu chuyển đổi

Công ty không phát hành trái phiếu chuyển đổi.

6.2. Thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất

- Hợp đồng thuê đất số: 2265/HĐTD ngày 20 tháng 6 năm 2013
- Hợp đồng thuê đất số: 2264/HĐTD ngày 20 tháng 6 năm 2013

7. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu thoái vốn

Không có

V. PHƯƠNG ÁN THOÁI VỐN

- | | |
|---|---|
| 1. Loại cổ phiếu: | Cổ phiếu phổ thông |
| 2. Mệnh giá: | 10.000 đồng |
| 3. Tổng số cổ phiếu dự kiến thoái vốn: | 4.998.070 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 45,6% tổng số cổ phiếu đang lưu hành) |
| 4. Giá khởi điểm đầu giá: | 10.000 đồng/cp |
| 5. Phương pháp tính giá: | Căn cứ quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 7/10/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc |
| 6. Phương thức thoái vốn: | Bán đấu giá công khai |
| 7. Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần: | Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội |
| 8. Thời gian thực hiện thoái vốn: | Quý IV/2015 – Quý I/2016 |
| 9. Thời gian đăng ký mua cổ phiếu dự kiến: | Quy định tại Quy chế đấu giá cổ phần |
| 10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: | Tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành và phù hợp với điều ước quốc tế. |
| 11. Các hạn chế liên quan đến chuyên nhượng | Không |
| 12. Các loại thuế có liên quan: | Thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến cổ phiếu chào bán |

VI. MỤC ĐÍCH THOẢI VỐN

Mục tiêu của việc thoái vốn nhằm mục đích bán cổ phần cho những nhà đầu tư có nguyện vọng tham gia sâu vào điều hành Công ty. Việc thoái vốn giúp tư nhân hóa ngành nước sạch và giảm gánh nặng đầu tư công, đồng thời giúp doanh nghiệp tìm kiếm những nhà đầu tư có kinh nghiệm, hỗ trợ Công ty quản lý, mở rộng sản xuất kinh doanh, trở thành doanh nghiệp có sức cạnh tranh cao trên thị trường.

Việc thoái vốn Nhà nước tại CTCP Nước sạch Vĩnh Phúc sẽ đem về cho Ngân sách Nhà nước khoản vốn tính theo mệnh giá là 49.980.700.000 đồng, đây là một khoản vốn đáng kể để ngân sách Nhà nước đầu tư cho các dự án, ngành nghề quan trọng khác.

Bên cạnh đó, việc giảm tỷ lệ sở hữu của Nhà nước tại Công ty sẽ tạo sự hấp dẫn đồng thời giúp cho các thành phần kinh tế khác tham gia vào quá trình tái cấu trúc và quản trị, điều hành doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp.

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT THOẢI VỐN

1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

2. Đại lý đấu giá

- CTCP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương
- Địa chỉ: Tầng 02 và 03 Tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

VIII. BÁO CÁO CỦA CTCP NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC VỀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

1. Các văn bản thành lập doanh nghiệp

- Quyết định số 2469/QĐ-UB ngày 25/11/1996 của UBND tỉnh Vĩnh Phú về việc tách Xí nghiệp cấp nước Mê Linh thuộc Xí nghiệp cấp nước Vĩnh Phú thành doanh nghiệp nhà nước độc lập có tên gọi Công ty cấp nước mê Linh.

- Quyết định số 2163/QĐ-UB ngày 07/09/1999 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty cấp nước Mê Linh và đổi tên Công ty cấp nước Mê Linh thành Công ty Cấp thoát nước và Môi trường số 2 Vĩnh Phúc
- Quyết định số 631/QĐ-UB ngày 10/03/2011 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc Công ty Cấp thoát nước và Môi trường số 2 Vĩnh Phúc được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500144719 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 14/09/1999, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 21/01/2014.

2. Các thành tích đạt được

- Ghi nhận những thành tựu, đóng góp của Công ty từ năm 1997 đến nay, hàng chục lượt các tập thể, cá nhân được UBND tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, LĐLĐ Việt Nam, Bộ Xây dựng, Thủ tướng Chính phủ tặng nhiều Bằng khen và cờ thi đua.
- Năm 1998: Công ty được giải Bạc của Giải thưởng Chất lượng Việt Nam.
- Năm 2002: Huân chương lao động hạng 3.
- Năm 2006: Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.
- Năm 2007: Huân chương Lao động hạng 2.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500144179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 14/09/1999, thay đổi lần thứ 05 ngày 21/01/2014, Công ty có đăng ký các ngành nghề kinh doanh sau đây:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600 (Chính)
2	Sản xuất, kinh doanh nước sạch và nước tinh khiết Quản lý, xử lý nước thải đô thị Xây dựng công trình cấp, thoát nước Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Mua bán vật tư, thiết bị ngành nước	
Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn	
Tư vấn thiết kế, giám sát thi công công trình cấp thoát nước	
Lập tổng dự toán và dự toán công trình xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước	
Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thẩm tra dự toán công trình cấp thoát nước	
Tư vấn giám sát công trình giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp	
Tư vấn kiểm định đồng hồ đo nước lạnh	
Cho thuê máy móc, thiết bị	
Thi công xây dựng công trình điện đến 35KV	

4. Các dự án công trình tiêu biểu Công ty quản lý và thi công

5. Tình hình sử dụng lao động

Cho tới thời điểm ngày 30/10/2015, tổng số nhân viên của Công ty là 135 người. Cơ cấu lao động như sau:

Bảng 4: Cơ cấu lao động đến ngày 30/10/2015

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I. Phân loại theo trình độ	135	100
Cán bộ có trình độ trên đại học	02	1,5
Cán bộ có trình độ đại	37	27,4
Cán bộ có trình độ cao đẳng	03	2,22
Cán bộ có trình độ trung cấp, sơ cấp	89	65,9
Cán bộ có trình phổ thông	04	2,98
II. Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động	135	100

Không thuộc diện ký Hợp đồng lao động	03	2,22
HĐLĐ không xác định thời hạn	91	67,4
HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng	41	30,38
HĐLĐ ngắn hạn	0	0

(Nguồn: Công ty Cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc)

6. Vốn điều lệ và cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/10/2015

6.1. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ: 109.630.000.000 đồng.
- Bằng chữ: Một trăm linh chín tỷ sáu trăm ba mươi nghìn đồng.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.
- Tổng số cổ phần: 10.963.000 cổ phần.

6.2. Cơ cấu cổ đông

Bảng 5: Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 30/10/2015

Cổ đông		Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %
Cổ đông nước ngoài	Cổ đông là tổ chức	0	0
	Cổ đông là cá nhân	0	0
Cổ đông trong nước	Cổ đông là tổ chức	10.617.200	96,8
	Cổ đông là cá nhân	345.800	3,2
Tổng cộng		10.963.000	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc)

7. Tình hình tài sản và tình hình sử dụng đất

7.1. Tình hình tài sản

Tình hình tài sản cố định hữu hình và vô hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

Bảng 6: Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2014

Đơn vị: Đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	176.283.135.126	(63.140.260.722)	113.142.874.404
Nhà cửa và vật kiến trúc	27.205.528.872	7.287.454.430	19.918.074.442
Máy móc thiết bị	101.079.292.495	23.882.705.401	77.196.587.094
Phương tiện vận tải	45.129.125.752	31.236.401.570	13.892.724.182
Thiết bị, dụng cụ quản lý	47.173.636	313.806.768	163.366.868
Tài sản cố định khác	2.392.014.371	419.892.553	1.972.12.818
2. Tài sản cố định vô hình	1.475.329.273	1.107.510.964	367.818.300

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc)

7.2. Tình hình sử dụng đất của Công ty

Bảng 7: Tình hình sử dụng đất đai

Tên, địa chỉ, QĐ giao đất	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Hồ sơ pháp lý	
Khu vực Phúc Yên					
I. TIỀN CHÂU:					
Giữa đồng Tiền Châu QĐ 591/QĐ-UB (4/3/2009)	350	Thuê đất 49 năm 04/3/2009- 04/3/2058	3 giếng khoan	Hợp đồng thuê đất số 2265/HĐT Đ ngày 20/6/2013	
II. TRUNG NHỊ					
Tháp Miếu- Trung Nhị- Phúc Yên QĐ591/QĐ-UB (4/3/2009)	2.074	Thuê đất 49 năm 04/3/2009- 04/3/2058	Trạm tăng áp Phúc Yên		
III. ĐỒNG XUÂN					
Cạnh chợ Xuân Hoà QĐ591/QĐ-UB (4/3/2009)	2.100	Thuê đất 49 năm 04/3/2009- 04/3/2058	Trạm tăng áp Xuân Hoà		

Tên, địa chỉ, QĐ giao	Diện	Hĩnh thức	Mục đích	Hồ sơ
Cos 62 đình đôi Thần Lăn. P. Đồng Xuân QĐ 590/QĐ-UB (26/2/2002)	1.034	Thuê đất 49 năm 01/7/2004- 01/7/2053	Bể nước 300 m ³	
Cạnh chợ Xuân Hoà QĐ590/QĐ-UB (26/2/2002)	858	Thuê đất 49 năm 01/7/2004- 01/7/2053	Trạm tăng áp Xuân Hoà	
IV. PHÚC THẮNG				
Công ty vật tư nông nghiệp cũ QĐ 2130/QĐ-UB ngày 18/10/1996	1.220	Thuê đất 30 năm 18/10/1996- 18/10/2026	Khu quản lý điều hành cn TT	
Công ty ngoại thương cũ QĐ 3056/QĐ-UB ngày 20/8/2002	752	Thuê đất 49 năm 01/7/2004- 01/7/2053	Khu quản lý điều hành cn TT	
Đồng Dưa- Phúc Thắng QĐ số 1952/QĐ-UB ngày 22/8/2006	10.736	Thuê đất 49 năm 22/8/2006- 22/8/2055	Mở rộng nhà máy nước PY	
Đồng Dưa - Phúc Thắng QĐ số 590/QĐ-UB ngày 26/2/2002	15.000	Thuê đất 49 năm 01/7/2004- 01/7/2053	Khu điều hành xử lý nước TT	
Đại Phùng - Phúc Thắng QĐ số 2563/QĐ-UB ngày 01/10/1998	440	Thuê đất 49 năm 01/7/2004- 01/7/2053	Giếng G3 và cột điện	
Bờ La- Phúc Thắng QĐ 590/QĐ-UB ngày 26/2/2002	225	Thuê đất 49 năm 01/7/2004- 01/7/2053	Giếng G4 và lỗ khoan 72	
Giữa đồng Nam Viêm QĐ số 591/QĐ-UB ngày 04/3/2009	152	Thuê đất 49 năm 04/3/2009- 04/3/2058	Giếng G2 Nam Viêm	
V. NAM VIÊN				

Tên, địa chỉ, QĐ giao	Diện	Hĩnh thức	Mục đích	Hồ sơ
- Đồng Chôi: 350,4 m ² - Giữa đồng công kho: 251 m ² - Đồng Rạc: 325 m ² QĐ số 590/QĐ-UB ngày 26/2/2002	926,4	Thuê đất 49 năm 01/7/2004-01/7/2053	Giếng G5, lỗ khoan 73 Giếng G6, lỗ khoan 74 Giếng G7, lỗ khoan 75	
VI. XUÂN HÒA				
Cos 64 đình dôi Thần Lãn, P. Đồng Xuân QĐ số 590/QĐ-UB ngày 26/2/2002	1.983	Thuê đất 49 năm 01/7/2004-01/7/2053	Bể nước 2.000m ³	
Đại Lải- Xuân Hoà QĐ số 1332/QĐ-UB ngày 20/10/1997	2.000	Thuê đất 50 năm 20/10/1997-20/10/2047	Điều hành cấp nước Đại Lải	
Khu vực Bình Xuyên				Hợp đồng thuê đất số 2264/HĐT Đ ngày 20/6/2013
Vị trí: Thị trấn Hơng Canh, huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc QĐ 590/QĐ-UB (26/02/2002)	1.680	Thuê đất 49 năm 26/2/2002-26/2/2051	Xây dựng cải tạo hệ thống cấp nước Mê Linh	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc)

8. Nguồn nguyên vật liệu và trình độ công nghệ đang áp dụng

8.1. Nguồn nguyên liệu

- Nguồn cung cấp nguyên vật liệu**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp sử dụng nguyên vật liệu chính là nguồn nước ngầm.

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào: khai thác từ tự nhiên

- Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu**

Nhìn chung, do các loại nguyên vật liệu phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty là khá đơn giản và phổ biến nên Công ty có nhiều thuận lợi trong việc lựa chọn đơn vị cung cấp với mức giá hợp lý và nguồn cung ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Có thể nói CTCP Nước sạch Vĩnh Phúc có nguồn cung cấp nguyên

vật liệu ổn định, giúp Công ty chủ động được trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo phát triển hoạt động kinh doanh Công ty.

- **Ảnh hưởng của nguyên vật liệu đầu vào tới doanh thu lợi nhuận**

Cơ cấu chi phí nguyên vật liệu trong tỷ trọng giá vốn hàng bán là tương đối nhỏ nên việc biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng không lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

8.2. Trình độ công nghệ

Sử dụng lực lượng lao động hầu hết qua đào tạo là chính, bên cạnh đó là sử dụng các loại máy móc phương tiện hiện đại. Phương tiện vận tải luôn được cải tiến, đầu tư phù hợp với công nghệ hiện nay, bắt kịp xu hướng sản xuất kinh doanh. Để đảm bảo các đơn vị trực thuộc luôn đảm bảo năng suất tốt, Công ty luôn chú trọng công tác quản lý, vận hành, bảo dưỡng, bảo trì phục vụ việc sửa chữa nhỏ và thay thế phụ tùng của các thiết bị, máy móc khi cần thiết.

9. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Nhận thức được tầm quan trọng của chất lượng nguồn nước đối với đời sống sinh hoạt của nhân dân trong toàn tỉnh cũng như những ngành sản xuất khác, Công ty đã đổi mới đồng bộ, giảm tỷ lệ thất thoát xuống mức thấp nhất, chất lượng nước không ngừng được nâng cao. Để đảm bảo chất lượng dịch vụ, Công ty đã thành lập Tổ chống thất thoát thực hiện dò tìm điểm vỡ mạng lưới cấp nước với các thiết bị hiện đại. Phòng thí nghiệm kết hợp với Trung tâm y tế dự phòng tỉnh thường xuyên kiểm tra chất lượng nước đầu nguồn, nước sau khi sản xuất tại nhà máy, tại hộ tiêu dùng.

10. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

- **Nhân tố môi trường ngành:**

Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp hiện có trong ngành: Với chủ trương xã hội hóa và cơ chế đấu thầu rộng rãi, các doanh nghiệp trong các địa bàn tỉnh lân cận hoàn toàn có quyền được tham gia đấu thầu cung ứng dịch vụ và khả năng này là rất lớn.

Khả năng gia nhập mới của các doanh nghiệp: Với chủ trương xã hội hóa trong việc cung ứng thì việc có các doanh nghiệp tiềm năng khác có sự quan tâm tới lĩnh vực kinh doanh này sẽ đầu tư và cạnh tranh mới là rất có khả năng.

Người mua: Các đơn vị chủ đầu tư có quyền lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ đáp ứng được các yêu cầu về năng lực cạnh tranh cũng như chất lượng dịch vụ cung cấp.

- **Các nhân tố chủ quan (nhân tố bên trong doanh nghiệp):**

Bộ máy quản trị doanh nghiệp được tổ chức cơ bản là hợp lý. Tuy nhiên một số các bộ phận quản lý còn chưa phát huy được hết vai trò của mình dẫn đến kết quả SXKD chưa cao.

- **Hoạt động marketing**

Với đặc thù là một doanh nghiệp lâu đời và có uy tín trong ngành nước sạch, Công ty luôn chú trọng hoạt động xây dựng và quảng bá thương hiệu bằng cách luôn giữ chữ tín, cam kết cung cấp những dịch vụ và sản phẩm tốt nhất với khách hàng.

11. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại công ty chưa xây dựng logo và chưa đăng ký bản quyền về nhân hiệu, và sẽ được thực hiện sớm nhất có thể trước năm 2016.

12. Các hợp đồng tiêu biểu đang thực hiện

Bảng 8: Các hợp đồng tiêu biểu đang thực hiện

STT	Số Hợp đồng	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đối tác trong hợp đồng
1	08/2015/HĐKT	Gói thầu: Di chuyển đường ống cấp nước thuộc dự án: Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Trãi TX. Phúc Yên	Năm 2015	BQL đầu tư và XD tx. Phúc Yên
2	38a/2015/HĐKT	Thi công tiểu dự án: Di chuyển đường ống cn phục vụ GPMB đường vành đai thị xã Phúc Yên	Năm 2015	BQL đầu tư và XD tx. Phúc Yên
3	142/HĐKT/NSVP-SP2	Thi công tuyến ống cn HDPE cho Nhà thí nghiệm Trường Đại học sư phạm Hà nội 2	Năm 2015	Trường Đại học sư phạm Hà nội 2

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc)

13. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

• Thuận lợi

- Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề đã có trình độ chuyên môn cao, đã làm chủ được công việc;
- Các công trình do Công ty thi công đều đảm bảo các quy trình và tiêu chuẩn kỹ thuật, tiến độ đề ra, luôn được đánh giá cao;
- Công ty có nhiều lợi thế và khai thác tiềm năng, có uy tín trong nhiều năm về lĩnh vực cung cấp nước sạch.
- Chi phí sản xuất đầu vào: Tiền điện, nhân công tăng cao, trong khi giá bán nước sạch do UBND tỉnh quyết định chưa bù đắp đủ chi phí nên hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao.

14. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

14.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp trong cùng ngành

ĐIỂM MẠNH (S)	ĐIỂM YẾU (W)
<ul style="list-style-type: none">- Công ty Cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc là công ty được Tỉnh Vĩnh Phúc giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ nhu cầu Sản xuất và tiêu dùng khu vực Thị xã Phúc Yên và các vùng lân cận. Cũng do tính độc quyền cao và đặc điểm của sản phẩm nên đã tạo được khá nhiều thuận lợi cho công ty tiến hành hoạt động sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.- Công ty là doanh nghiệp vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vừa là nhà cung cấp trực tiếp sản phẩm nước sạch. Do Ban lãnh đạo Công ty hoạt động có hiệu quả nên chất lượng các hoạt động của Công ty ngày càng được cải thiện và nâng cao. Công ty ngày càng nhận được sự ủng hộ, quan tâm của các khách hàng khi sử dụng	<ul style="list-style-type: none">- Ngành kinh doanh nước sạch thuộc lĩnh vực cơ sở hạ tầng nên vốn đầu tư lớn, chủ yếu là nguồn vốn vay ngân hàng, mục tiêu của dự án chủ yếu phục vụ an sinh xã hội, thời gian thu hồi vốn kéo dài...- Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, sản phẩm của Công ty được bán theo giá của UBND tỉnh quy định. Tuy nhiên, do giá trị tài sản lớn, giá nước không đủ bù đắp chi phí sản xuất thực tế. Nếu tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí của giá thành toàn bộ và lợi nhuận hợp lý thì giá tiêu thụ nước sạch sẽ tăng đột biến làm ảnh hưởng lớn đến phát triển sản xuất và an sinh xã hội của Tỉnh. Đây là một điểm yếu của Công ty khi trở thành Công ty Cổ phần, phải tự hạch toán thu

<p>dịch vụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi nền kinh tế ngày càng hội nhập và phát triển thì vấn đề về nước sạch sẽ ngày càng được Nhà nước quan tâm, sự hỗ trợ của các nước phát triển, các Tổ chức trong và ngoài nước. Chính vì vậy cơ hội phát triển ngành của Công ty là rất lớn. 	<p>chi, lãi lỗ</p>
<p>CÁC CƠ HỘI (O)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong những năm tới, cùng với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội nhu cầu nước sạch rất cao. Đây là thuận lợi rất lớn đối với Công ty về khối lượng công việc dành cho CBCNV trong tương lai. - Tỉnh Vĩnh Phúc đang trong quá trình phát triển mạnh mẽ. Do vậy Công ty được hòa nhịp với sự phát triển chung của Tỉnh. Điều kiện tiền đề giúp Công ty phát triển. - Công ty có kinh nghiệm lâu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước sạch nên thị phần cũng như sự tin tưởng của khách hàng đối với Công ty là rất cao. Đây là cơ hội lớn cho Công ty khi Công ty chuyển sang hình thức Công ty Cổ phần 	<p>CÁC THÁCH THỨC (T)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi nền kinh tế phát triển, các ngành công nghiệp cũng phát triển. Khi ấy yêu cầu nước sạch rất cao. Do vậy Công ty sẽ phải cố gắng, nỗ lực rất nhiều trong quá trình hoạt động để đạt được mục tiêu đề ra cũng như để đạt được chỉ tiêu mà UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao phó. - Cùng với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật, các kỹ thuật tiên tiến sẽ được áp dụng mới vào trong quá trình xử lý nước ... Tuy hiện tại Công ty trình độ của đội ngũ CBCNV chưa cao, sự tiếp thu cũng như áp dụng kỹ thuật sẽ gặp khó khăn. Do vậy nếu không nâng cao trình độ đội ngũ CBCNV thì đây sẽ là nguy cơ của Công ty trong tương lai gần.

14.2. Triển vọng phát triển của ngành

- Xét trên bình diện toàn Thị xã thì Công ty Cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc là Doanh nghiệp duy nhất được Thị xã giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và bán nước sạch phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong thị xã Phúc Yên.
- Dân số trên địa bàn phát triển nhanh, theo kết quả điều tra dân số, năm 2014 dân số tỉnh Vĩnh Phúc là 1.041.400 người và dự đoán năm 2020 khoảng 1.094.900 người. Vĩnh Phúc có vị trí địa chiến lược về chính trị, kinh tế, quân sự và đối ngoại; Vĩnh Phúc có 9 đơn vị hành chính với 112 xã và 25 phường phường, thị trấn trong đó có 07 đơn vị cấp huyện, 1 Thành phố là Vĩnh Yên và 1 Thị xã là Phúc Yên. Vĩnh Phúc là một tỉnh thuộc

vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, cách Hà Nội hơn 50 km có các điều kiện rất thuận lợi, trong 10 năm trở lại đây, Vĩnh Phúc là một tỉnh có tốc độ Công Nghiệp Hóa, Hiện Đại Hóa đứng đầu cả nước. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc có 22 đô thị, trong đó có 01 đô thị loại II (thành phố Vĩnh Yên), 01 đô thị loại III (thị xã Phúc Yên) và 22 đô thị loại.

- Tầm nhìn đô thị hóa giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020: Tiếp tục xây dựng phát triển hoàn chỉnh thành phố Vĩnh Yên, thành phố Phúc Yên theo quy hoạch; đầu tư xây dựng, nâng cấp khu vực huyện Bình Xuyên đạt tiêu chí đô thị loại IV làm cơ sở thành lập mới thị xã. Đây là nguồn khách hàng đông đảo mà Công ty có thể khai thác.

14.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu hướng chung thế giới

Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và sửa dụng nước sạch của tỉnh Vĩnh Phúc nói chung và thị xã Phúc Yên nói riêng, Công ty sẽ xây dựng kế hoạch đầu tư mở rộng, cải tạo máy móc thiết bị, hệ thống kỹ thuật, mở rộng quy mô để đáp ứng đủ yêu cầu về nước sạch trong địa bàn thị xã và các huyện lân cận. Công ty sẽ có những bước thay đổi để phát huy được nguồn lực, năng động và sáng tạo.

15. Một số rủi ro dự kiến

15.1 Rủi ro kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái. Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

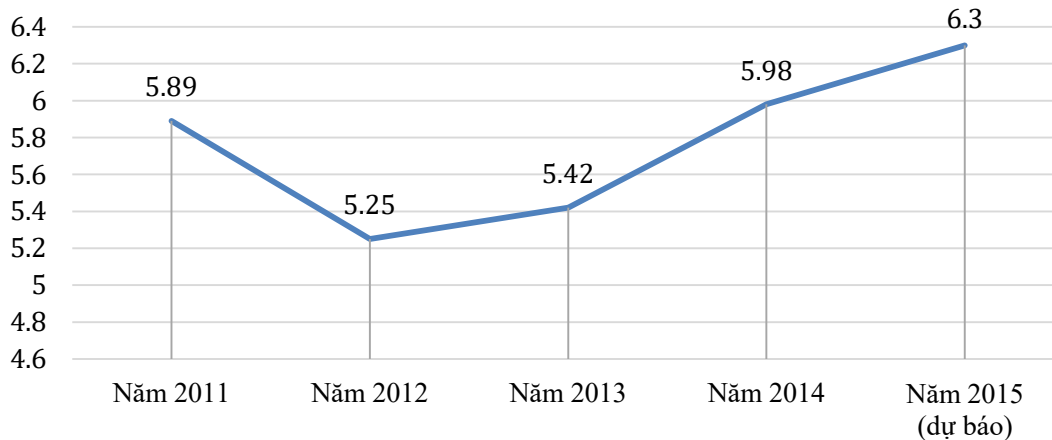
a. Rủi ro về tăng trưởng

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Trong năm 2015 kinh tế vĩ mô Việt Nam tiếp tục được cải thiện và đã có những chuyển biến tích cực. Lạm phát năm 2015 dừng ở mức 1.48% và được đánh giá là thấp nhất trong vòng 13 năm vượt xa mọi dự báo trước đó.

Về tăng trưởng kinh tế trong nước, GDP năm 2015 ước tính tăng 5,98% so với năm 2014, đây là mức tăng cao nhất so với 2 năm trước. Điều này cho thấy đà phục hồi của

nền kinh tế năm 2015 đã có dấu hiệu tích cực. Chỉ số quản trị mua hàng (PMI) trong năm 2015 liên tục cao vượt ngưỡng 50 điểm. Như vậy, trong năm 2015 các nhà quản trị mua hàng đều nhận thấy, điều kiện kinh doanh đang được cải thiện rõ nét.

Hình 2: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm

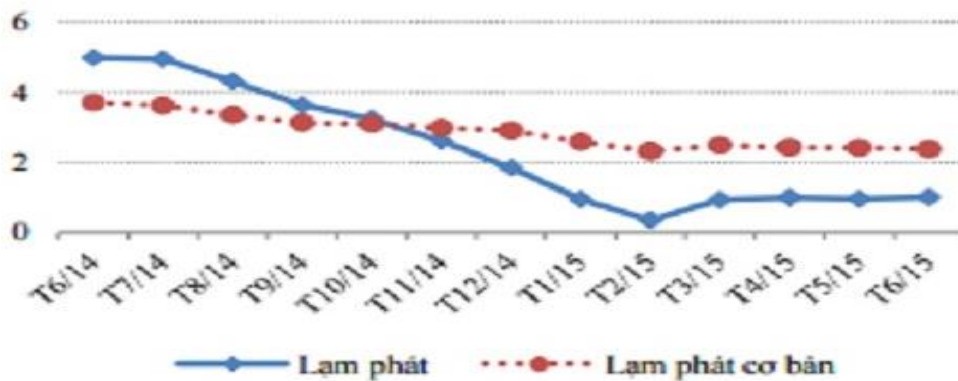


(Nguồn: Tổng cục thống kê)

b. Rủi ro về lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Lạm phát thường xảy ra do hai nguyên nhân chính là chi phí đẩy hoặc cầu kéo. Tổng cầu gia tăng do sự gia tăng của tiêu dùng hộ gia đình, chi tiêu Chính phủ, đầu tư và thay đổi rơng từ hoạt động xuất nhập khẩu.

Hình 3: Tỷ lệ lạm phát và lạm cơ bản 6/2014 – 6/2015



(Nguồn: Ủy ban giám sát tài chính quốc gia)

Lạm phát cơ bản tháng 7/2015 so với tháng 6 năm 2015 tăng 0,13% có mức tăng khá tương đồng với lạm phát chung do tỷ lệ đóng góp CPI chung của các nhóm hàng loại trừ khi tính lạm phát cơ bản với các mặt hàng còn lại là tương đương.

Lạm phát cơ bản tháng 7/2015 so với cùng kỳ tăng 2,04%, bình quân 7 tháng so cùng kỳ năm trước tăng 2,22% cao hơn mức 0,9% và 0,86% của lạm phát chung do mặt bằng giá các mặt hàng tính lạm phát chung thấp hơn so với cùng kỳ năm trước

c. Rủi ro về lãi suất

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có thể sử dụng đến kênh huy động vốn từ tín dụng và chịu lãi suất sử dụng vốn vay, khi đó, chỉ cần một sự biến động nhỏ về lãi suất trong chiến lược điều hành chính sách tiền tệ của Nhà nước cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính và lợi nhuận của Công ty.

Trong nửa đầu năm 2015, lãi suất huy động và cho vay khá ổn định và có xu hướng giảm nhẹ. Sau 2 lần điều chỉnh giảm trong năm 2013, vào cuối quý 1 năm 2014 và quý 2 năm 2014, Ngân hàng Nhà nước đã tiếp tục giảm các mức lãi suất chủ chốt. Với định hướng duy trì mặt bằng lãi suất thấp để hỗ trợ sự phục hồi và tăng trưởng của nền kinh tế, quyết định điều chỉnh giảm lãi suất như kể trên của Ngân hàng Nhà nước là khá hợp lý trong bối cảnh (1) lạm phát được kiểm soát ở mức thấp và (2) thanh khoản hệ thống đang khá tốt trong khi tăng trưởng tín dụng chưa được đẩy mạnh.

d. Rủi ro về tỷ giá

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp

15.2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần, hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các Luật, Nghị định... liên quan đến chương trình cổ phần hóa và Luật doanh nghiệp 2014, Thuế doanh nghiệp do Nhà nước ban hành.

15.3. Rủi ro đặc thù

• Rủi ro thất thoát nước

Rủi ro thất thoát nước có thể xảy ra do hệ thống đường ống gặp trục trặc hoặc do các tổ chức, cá nhân thi công công trình làm bể đường ống cấp nước. Nguyên nhân này làm cho

việc cung cấp nước sạch không được liên tục, lưu lượng, áp lực và chất lượng nước không được đảm bảo

- **Rủi ro về giá cả**

Ngành cấp nước là ngành dịch vụ công chịu sự kiểm soát của nhà nước. Các doanh nghiệp cấp nước phải tuân thủ các quy định pháp luật về khai thác, sản xuất và cung cấp nước. Đặc biệt, giá nước luôn được nhà nước quan tâm, điều chỉnh sao cho hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp cấp nước và đối tượng sử dụng nước bằng cách ban hành các khung giá nước áp dụng cho từng khu vực liên quan trong phạm vi cả nước. Với khung giá nước được định sẵn kèm theo tỷ lệ thất thoát nước cao luôn được xem là hạn chế trong việc đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận cho doanh nghiệp cấp nước.

Trong chiến lược phát triển ngành cấp nước tới 2025, Việt Nam đang hướng tới xây dựng một thị trường cấp nước cạnh tranh hơn bằng cách xã hội hóa ngành cấp nước. Khi đó, tất yếu sẽ xảy ra sự cạnh tranh giữa những doanh nghiệp cấp nước về mức giá bán và chất lượng cung cấp. Tuy nhiên, việc xây dựng một thị trường như vậy là một quá trình lâu dài, có thể mất khoảng 15 - 20 năm theo lộ trình ngành cấp nước.

15.4. Rủi ro của đợt chào bán

Mới đây, thông tin chính thức nói room cho nhà đầu tư nước ngoài chính thức được công bố. Chỉ trong 2 phiên cuối tháng 6, VN-Index đã tăng hơn 2% với thanh khoản đạt mức cao. Có thể thấy, việc nói room sẽ là bàn đạp cho TTCK Việt sớm được gia nhập nhóm thị trường mới nổi, qua đó ngày càng thu hút vốn ngoại hơn.

Thông tư 36/2014/TT-NHNN quy định giới hạn cho vay và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng đã tác động lớn tới thị trường chứng khoán. Thông tư 36 có hiệu lực từ đầu tháng 2/2015 được xem là có tác động tiêu cực lên hoạt động cho vay đầu tư cổ phiếu của các CTCK cũng như sụt giảm thanh khoản của thị trường. Tuy nhiên, các chuyên gia đều nhận định tác động của Thông tư 36 là làm lành mạnh hóa hoạt động của ngân hàng, làm cho dòng vốn vào chứng khoán trong trung dài hạn có chất lượng.

Ngoài ra, việc Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc chào bán cổ phiếu trong giai đoạn thị trường chưa có nhiều diễn biến thuận lợi, nền kinh tế vẫn chưa hoàn toàn hồi phục, các chỉ số chứng khoán như VN-Index, HNX-Index đang ở mức thấp và nhiều biến

động theo diễn biến của thị trường thế giới cũng như tâm lý nhà đầu tư... sẽ có những ảnh hưởng đáng kể tới đợt chào bán ra công chúng của công ty..

15.5. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THỰC HIỆN THOÁI VỐN, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2015

UBND TỈNH VĨNH PHÚC
Trưởng ban chỉ đạo Cổ phần hóa
(đã ký)

CTCP NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC
Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
(đã ký)

NGUYỄN VĂN MẠNH

NGÔ TRƯỜNG GIANG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẦU GIÁ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
(đã ký)

NGUYỄN ĐỖ LĂNG